TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **TỈNH PT** Số: 05/2021/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *TT, ngày 08 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:165/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993.

ĐKHKTT: Khu 10, xã X, huyện TT, tỉnh PT.

Chỗ ở: Khu 14, xã X, huyện TT, tỉnh PT.

- *Bị đơn:* Anh Hà Xuân N, sinh năm 1988;

ĐKHKTT: Khu 10, xã X, huyện TT, tỉnh PT.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2020

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hà Xuân Nam.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị H, anh N xác định có 02 con chung là cháu Hà Nhật L, sinh ngày 17/7/2014 và cháu Hà Xuân T, sinh ngày 08/12/2015. Hai bên thỏa thuận: Giao con chung là cháu Hà Nhật L và cháu Hà Xuân Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N chấm dứt cho đến khi cháu Hà Nhật L và cháu Hà Xuân T thành niên. Anh Hà Xuân N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi cháu mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng cấp dưỡng cho cả hai cháu là 3.000.000đ (ba triệu đồng)/01 tháng kể từ tháng chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu L,

cháu T thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi ban hành Quyết định, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền mà bên được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, thì bên có nghĩa vụ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị H và anh Nam đều xác định không có và không đề nghị giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị H nhận nộp cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000644 ngày 29/10/2020 tại chi cục thi hành án Dân sự huyện TT, tỉnh PT.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện TT;
- THA Dân sự huyện TT;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hồng